

Bản án số: **12/2022/DSST**

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

V/v: **Tranh chấp hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Sỹ Long**

Ông Trần Xuân Vững

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Vân Anh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình: **Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX - ST ngày 11 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HPT ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D

Địa chỉ: 109 T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T ủy quyền cho ông Lê Vũ Q theo văn bản ủy quyền số 09/2017/UQ-HĐQT ngày 16/02/2017, Đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Minh D, ông Nguyễn Lê P theo văn bản ủy quyền số 007/2021/UQ-PDD ngày 25/02/2021 của Bank. Ông Nguyễn Lê P và ông Đỗ Minh D có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1955 và bà **Hồ Thị M**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 332 đường B, phường V, quận B, thành phố H. Ông T, bà M vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Tiến L (vắng mặt),

3.2. Bà Tống Thị Y (vắng mặt),

Ông L, bà Y cùng địa chỉ: Tổ 8B phường N, quận Đ, thành phố H.

3.3. Ông Hồ Huy B, sinh năm 1957 (vắng mặt),

3.4. Bà Hà Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt),

3.5. Cháu Hà Thị N, sinh năm 2006 (vắng mặt),

3.6. Cháu Hồ Trung D, sinh năm 2014 (vắng mặt),

Cháu N và cháu D do ông B, bà L là đại diện theo pháp luật.

3.7. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1984 (vắng mặt),

Ông B, bà L, cháu N, cháu D và anh L cùng địa chỉ: Số 393 K (tổ 4 cụm 1), phường K, quận T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại TNHH MTV D do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Lê P trình bày:**

- Quá trình ký kết Hợp đồng:

Ngày 29/8/2011, Ngân hàng cùng Bên vay vốn ký Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD và khế ước nhận nợ kèm theo, nội dung cụ thể:

+ Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỉ đồng chẵn)

+ Thời hạn vay: 12 tháng (kể từ ngày 29/8/2011 đến ngày 29/8/2012).

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

+ Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất kỳ đầu tiên là 24,5%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ theo quy định của Bank tại thời điểm giải ngân/ điều chỉnh.

+ Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng.

Ngày 29/8/2012, Ngân hàng cùng Bên vay vốn ký phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD nội dung: Kéo dài thời hạn vay kể từ ngày 29//2012 đến 29/02/2013, số nợ gốc được gia hạn là 3.000.000.000 đồng.

- Tài sản bảo đảm:

Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Hồ Tiến L và bà Tống Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 0106070096, hồ sơ gốc số 171/1999/3640/1999/QĐ.UB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/9/1999 cho bà Nguyễn Thị V và chồng là ông Hồ Bá H, đã đăng ký sang tên cho ông Hồ Tiến L tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T, thành phố H ngày 25/8/2011.

Hợp đồng thế chấp ba bên, ký giữa Chủ tài sản, Ngân hàng và Bên vay vốn số công chứng 5660.2011.HĐTC ngày 26/8/2011, tại Văn phòng Công chứng T (Địa chỉ: 54 T, H, H) với nội dung: Ông Hồ Tiến L và vợ là bà Tống Thị Y đồng ý thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 48a-116-(16B-III-a+b), địa chỉ: Tổ 4, cụm 1, phường K, quận T, thành phố H để bảo đảm cho các khoản vay của ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M cùng ông Hồ Tiến L và bà Tống Thị Y tại Bank. Hợp đồng thế chấp nêu trên được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T ngày 29/8/2011. Tính chất pháp lý của hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ và hợp pháp.

- Quá trình giải quyết khoản nợ:

Khi khoản vay nêu trên quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần trực tiếp đến các bên vay vốn để bàn việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký,

tìm cách tháo gỡ cho khoản vay, tuy nhiên không nhận được sự hợp tác, khách hàng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, chây ỳ. Hiện tại khoản vay đã quá hạn lâu ngày và nhóm nợ là nhóm 5.

Nợ quá hạn gốc và lãi tạm tính của khoản vay trên đến ngày 11/9/2020 là: 9.051.830.454 đồng (Chín tỷ, không trăm năm mươi một triệu, tám trăm bao mươi nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 3.000.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 130.487.964 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 5.921.342.491 đồng.

(Lãi suất trong hạn áp dụng từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng nhà nước Việt Nam, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc).

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2020: 9.051.830.454 đồng.

Buộc bên vay phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau 15 ngày, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà bên vay vốn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với Bank. Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản, nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải

có nghĩa vụ tiếp tục nhận nợ và trả đầy đủ cho đến khi thanh toán dứt điểm các khoản vay cho Bank.

- Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M phải chịu cả án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đã được Tòa án triệu tập, niêm yết triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt để lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập: Ông Hồ Huy B trình bày:**

Ông là anh trai của Hồ Thị M và Hồ Tiến L, Nguyễn Ngọc T là em rể và Tống Thị Y là em dâu. Ông B trình bày về nguồn gốc thửa đất mà Hồ Tiến L và Hồ Thị M đem thế chấp Ngân hàng (Địa chỉ: 393 K (tổ 4, cụm 1) phường K, quận T, thành phố H) như sau:

Bố mẹ ông sinh được 3 người con, tôi là con trưởng, em thứ 2 là Hồ Thị M và em út là Hồ Tiến L, ngoài 3 anh em ông, bố mẹ ông không có con riêng ngoài giá thú nào khác. Bố mẹ ông lúc còn sống có nhà đất tại địa chỉ 393 K mang tên bố mẹ ông là Hồ Bá H và Nguyễn Thị V, diện tích xây dựng là 36m² nhà cấp 4 trên tổng diện tích đất là 97m² tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 48-A-116 (16B-III-a+b) do Ủy ban nhân thành phố H cấp ngày 08/9/1999. Trong thời gian chung sống với bố mẹ ông từ nhỏ cho đến năm 1974, tôi vi phạm pháp luật phải đi cải tạo đến năm 1986 được trả về. Năm 1987 ông lại bị bắt và đi cải tạo tại T, đến năm 2012 hết hạn cải tạo, ông về sinh sống tại số 393 K cho đến nay. Trong thời gian ông đi cải tạo đến năm 2010 thì bố ông mất, không để lại di chúc. Năm 2011, mẹ ông cùng 2 em tôi là Hồ Thị M và Hồ Tiến L đã đến Văn phòng công chứng H làm văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế tặng cho tài sản ngày 23/8/2011, lúc đó ông vẫn đang trong trại cải tạo nên không được biết việc mẹ ông và các em ông làm văn bản khai nhận phân chia di sản thừa kế

do bố tôi để lại là: 01 phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại tổ 4, cụm 1 phường K, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0106070096 hồ sơ gốc số 171/1999/3640/1999/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 08/9/1999 mang tên bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Bá H là bố mẹ ông. Vì bản khai nhận thừa kế này lúc đó ông đang trong trại giam, không được biết nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Nay ông được biết các em tôi là Hồ Thị M và Nguyễn Ngọc T có vay của Ngân hàng D số tiền là 3 tỷ đồng và các khoản lãi trong hạn là 6.487.963 và lãi quá hạn là 6.426.917.402 (do Ngân hàng tạm tính đến ngày 04/5/2021). Tổng các khoản tiền tính đến nay Hồ Thị M và Nguyễn Ngọc T còn nợ Ngân hàng D là 9.557.405.365 đồng và để đảm bảo cho khoản vay trên, Hồ Thị M và Nguyễn Ngọc T đã được em trai ông là Hồ Tiến L và vợ là Tống Thị Y thế chấp nhà tại địa chỉ 393 K (tổ 4, cụm 1) phường K, quận T, thành phố H) là nhà hiện nay ông cùng vợ ông là Hà Thị L và 2 con ông là Hà Như Q và Hồ Trung D đang ở. Bên ngoài 18m² ông cho anh Nguyễn Hữu L thuê với giá 6.000.000 đồng/ tháng từ đầu năm 2021 đến nay, hợp đồng ký 06 tháng 1 lần, hết ngày 30/6/2021 là hết hạn hợp đồng cho thuê với anh L, ông sẽ lấy lại nhà trên để sử dụng và không cho thuê nữa. Ông sẽ xuất trình hợp đồng thuê nhà giữa ông và anh L cho Tòa án.

Nay Ngân hàng D khởi kiện Nguyễn Ngọc T và Hồ Thị M đến Tòa án nhân dân quận B yêu cầu thanh toán số tiền đã vay là 3 tỷ đồng và các khoản lãi trong hạn là 6.487.963 và lãi quá hạn là 6.426.917.402 (do Ngân hàng tạm tính đến ngày 04/5/2021) và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo do Hồ Tiến L và vợ là Tống Thị Y thế chấp là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại tổ 4, cụm 1 phường K, quận T, thành phố H mà hiện nay vợ chồng và các con ông đang quản lý và sử dụng.

Việc Ngân hàng khởi kiện Hồ Thị M và Nguyễn Ngọc T vay tiền Ngân hàng thì Hồ Thị M và Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng

còn tài sản đảm bảo cho khoản vay là nhà đất tại tổ 4, cụm 1 phường K, quận T, thành phố H. Đối với: “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0106070096 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 08/9/1999 cho bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Bá H”, “Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế - tặng cho tài sản số công chứng: 018012011/CCHH/VBPCDS, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/8/2011 tại trụ sở Văn phòng công chứng H”, ông không yêu cầu Tòa án xem xét và không có yêu cầu độc lập đối với văn bản nêu trên. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị L: đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt để lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu L: anh L có lời khai trình bày:**

Ông Nguyễn Bình M là đại diện hộ kinh doanh tại địa chỉ 393 K, phường K, quận T, thành phố H ủy quyền cho anh quản lý hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, làm việc với cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Tại địa chỉ 393 K, phường K, quận T, thành phố H, anh kinh doanh dịch vụ cầm đồ, làm việc từ 08 giờ đến 21 giờ. Anh không ăn ở sinh hoạt gì tại địa chỉ trên.

Anh thuê nhà của ông Hồ Huy B để hoạt động kinh doanh cầm đồ tại phía ngoài từ tháng 03 năm 2021, thời hạn thuê là 05 năm do ông ký mới vì ông Nguyễn Bình M đã hết thời hạn thuê.

Vì bận công việc nên anh L từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Việc thuê nhà giữa anh L và ông B các đương sự không yêu cầu giải quyết nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, cụ thể:

Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại số 332 đường B, phường V, quận B, thành phố H. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn không đến Tòa đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Đối với những người tham gia tố tụng khác: Không có
- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các lời khai nhận của đương sự và tài liệu thu thập được, nhận thấy hợp đồng tín dụng số: 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 đã ký kết giữa Bank và ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M dựa trên ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, hình thức và trình tự ký kết hợp đồng tuân theo các quy định của pháp luật, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng, Bank đã thực hiện giải ngân số tiền vay đúng giao kết thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên với số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bank đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M là có căn cứ. Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 với số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và lãi theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mại tài sản đảm bảo của bên có tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Tiến L, bà Tống Thị Y, ông Hồ Huy B, bà Hà Thị L (ông B, bà L đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu Hà Thị N và cháu Hồ Trung D), anh Nguyễn Hữu L đã được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M, ông Hồ Tiến L, bà Tống Thị Y, ông Hồ Huy B, bà Hà Thị L, anh Nguyễn Hữu L.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 được ký giữa Bank với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại số 332 đường B, phường V, quận B, thành phố H. Do ông T, bà M không thanh toán được khoản nợ cho Bank khi đến hạn trả nợ. Do vậy, Bank đã khởi kiện bà Diệp đến Tòa án nhân dân quận B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30,

điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu.

Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 được ký giữa Bank với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên là Hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Tiến L, bà Tống Thị Y, bà Hà Thị L, anh Nguyễn Hữu L đều vắng mặt không lý do không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Việc vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên là sự từ chối quyền khai báo, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Do vậy, căn cứ khoản 2 điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 được ký giữa Bank với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 5660.2011.HĐTC ngày 26/8/2011 đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định giữa ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị M, ông Hồ Tiến L, bà Tống Thị Y và Ngân hàng Bank. Ngân hàng Bank đã giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M tổng số tiền là: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M chưa thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, Bank xác nhận ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M còn nợ Bank tổng số tiền tính đến ngày xét xử theo Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 là:

- Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 15/02/2022 : 130.487.963 đồng;
- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15/02/2022 : 7.044.364.209 đồng;
- Tổng nợ: 10.174.852.172 đồng.

Quá trình công khai chứng cứ cũng như việc hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác nhận ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M còn nợ Bank tổng số tiền tính đến ngày xét xử theo Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 là 10.174.852.172 đồng.

Tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thỏa thuận của số tiền gốc trong hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M chưa trả nợ cho Ngân hàng theo đúng hạn ghi trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, việc Bank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà M phải thanh toán trả Bank số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận. Ngân hàng đã đưa ra bảng kê chi tiết cách tính lãi, Hội đồng xét xử đã kiểm tra công khai tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Bank:

Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị M không thanh toán cho Bank nợ gốc và nợ lãi thì

Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy: Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 5660.2011.HĐTC ngày 26/8/2011, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định giữa ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị M, ông Hồ Tiến L, bà Tống Thị Y và Bank, ông L, bà Y đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 48a-116-(16B-III-a+b), địa chỉ: Tổ 4, cụm 1, phường K, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 0106070096, hồ sơ gốc số 171/1999/3640/1999/QĐ.UB do UBND thành phố H cấp ngày 08/9/1999 cho bà Nguyễn Thị V và chồng là ông Hồ Bá H, đã đăng ký sang tên cho ông Hồ Tiến L tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T, thành phố H ngày 25/8/2011 bảo đảm cho khoản vay của bà Đ theo hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp. Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của Bank đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà ông T, bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 thì Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bank không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản tiền được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Từ các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 342, 348, 351, 347, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (Bank) đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M.

Xác nhận ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M còn nợ Bank số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 0649/DD/2011/HĐTD ngày 29/8/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

- Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 15/02/2022 : 130.487.963 đồng;
- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15/02/2022 : 7.044.364.209 đồng;
- Tổng nợ: 10.174.852.172 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M trả nợ Bank tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là : 10.174.852.172 đồng (Mười tỷ, một trăm bảy tư triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Bank thì Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 48a-116-(16B-III-a+b), địa chỉ: Tổ 4, cụm 1, phường K, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 0106070096, hồ sơ gốc số 171/1999/3640/1999/QĐ.UB do UBND thành phố H cấp ngày 08/9/1999 cho bà Nguyễn Thị V và chồng là ông Hồ Bá H, đã đăng ký sang tên cho ông Hồ Tiến L

tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T, thành phố H ngày 25/8/2011. Khi kê biên phát mại nhà đất của đương sự và mọi người ở trên nhà đất này phải chuyển đi nơi khác để trả lại cho Ngân hàng để phát mại. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán toàn bộ nợ của ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị M đối với Bank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nợ Bank phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu.

4. Việc thuê nhà giữa anh Nguyễn Duy L và ông Hồ Huy B các đương sự không yêu cầu giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị M phải chịu 118.174.852 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại TNHH MTV D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận. Bank được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.525.915 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0001328 ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Ngân hàng thương mại TNHH MTV D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Vân

